

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TP QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TP QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL TP IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109712943

3. Ngày thành lập: 20/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nguyệt Quế 8-19 Vinhomes Riverside, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888448688

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
2.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
3.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
4.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
5.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
6.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
7.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8.	Sản xuất điện	3511
9.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
10.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
11.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12.	Thu gom rác thải độc hại	3812
13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
14.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
15.	Tái chế phế liệu	3830
16.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Xây dựng công trình điện	4221

22.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Xây dựng công trình thủy	4291
26.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
29.	Phá dỡ	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
47.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
59.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
61.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
62.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động báo chí)	9000
63.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
64.	Trồng lúa	0111
65.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
66.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
67.	Trồng cây mía	0114
68.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
69.	Trồng cây lấy sợi	0116
70.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
71.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
72.	Trồng cây hàng năm khác	0119
73.	Trồng cây ăn quả	0121
74.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

75.	Trồng cây điều	0123
76.	Trồng cây hồ tiêu	0124
77.	Trồng cây cao su	0125
78.	Trồng cây cà phê	0126
79.	Trồng cây chè	0127
80.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
81.	Trồng cây lâu năm khác	0129
82.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
83.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
84.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
85.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
86.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
87.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
88.	Chăn nuôi gia cầm	0146
89.	Chăn nuôi khác	0149
90.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
91.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
92.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
93.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163(Chính)
94.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
95.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
96.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
97.	Khai thác gỗ	0220
98.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
99.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
100.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
101.	Khai thác thủy sản biển	0311
102.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
103.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
104.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
105.	Đúc sắt, thép	2431
106.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
107.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
108.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
109.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
110.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
111.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

112.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
113.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
114.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
115.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
116.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Địa chỉ thường trú: _____
Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **PHÙNG ĐỨC NHÃN** Giới tính: **Nam**
Chức danh: **Giám đốc**
Sinh ngày: **20/08/1990** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **036090000045**
Ngày cấp: **19/03/2014** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**
Địa chỉ thường trú: **29 Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Địa chỉ liên lạc: **29 Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội